

CHÙA “TIỀN PHẬT HẬU THÁNH” - MỘT DẠNG THỨC CHÙA/ĐỀN THỜ ĐỘC ĐÁO CỦA NGƯỜI VIỆT

TS. PHẠM THỊ THU HƯƠNG*

Nhìn lại diễn trình phát triển của nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Việt Nam, ta thấy từng tồn tại nhiều dạng chùa khác nhau, như chùa thờ thuần Phật, chùa thờ Phật kết hợp với một số vị thần như Tứ Pháp của người Việt, chùa vừa thờ Phật vừa thờ Mẫu và chùa phối thờ Phật với Thánh. Sự ra đời và phát triển của những dạng chùa này không chỉ đánh dấu sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, mà còn phản ánh những chuyển biến về tư tưởng của người dân và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của họ trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Qua những ngôi chùa này cũng có thể thấy rõ tinh thần nhập thể, sự gắn bó với dân tộc và kết hợp chặt chẽ giữa “đạo” với “đời” của Phật giáo Việt Nam.

Trong số những dạng chùa kể trên, có thể nói, kiến trúc kiểu “tiền Phật hậu Thánh” là một dạng/mô hình chùa riêng của người Việt. Xét trên nhiều góc độ, chùa “tiền Phật hậu Thánh” giống như một ngôi đền thờ thần linh trong tín ngưỡng dân gian của người Việt - nhiều hơn một ngôi chùa theo đúng nghĩa. Vì thế, mục đích của bài viết này là qua bố cục kiến trúc và tên gọi của một số công trình là làm rõ sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, chứng minh tính “đền” nhiều hơn tính “chùa”, để khẳng định về một nét đặc sắc của dạng thức kiến trúc Phật giáo này.

Chùa “tiền Phật hậu Thánh” có nơi thờ Thánh, bao giờ cũng là một kiến trúc riêng biệt, thâm

nhằm và không lộ diện. Đó là những thiền sư có thật trong lịch sử hoặc “được nghĩ là có thật”, được cho là đã từng tu hành và được coi là Tổ khai sáng của một ngôi chùa cụ thể. Ngôi chùa đó thường có những đặc điểm sau:

- Được dựng lên với chức năng ban đầu là thờ Phật, sau đó phối thờ các vị Thánh tại những đơn nguyên kiến trúc được xây dựng sau khi chết. Tên gọi chung cho kiến trúc này là điện Thánh.

- Điện Thánh được bài trí trang nghiêm, chỉ có tượng hoặc bài vị của một vị Thánh nhất định, hiếm khi có thêm các tượng khác.

- Chùa thường không có tượng Mẫu. Nếu có là do các sư trụ trì thời sau đưa vào.

- Người chủ trì các nghi thức tế lễ trong dịp lễ hội hàng năm phải là những ông thầy cúng với tiêu chuẩn lựa chọn hết sức khắt khe hoặc là có ông thống hoặc bà tự - mang tư cách thầy cúng sống ngay tại chùa đảm nhận.

Bối cảnh xã hội Đại Việt trong thế kỷ XVII, là cơ sở quan trọng cho sự ra đời một loại chùa kiểu “trăm gian”. Nhưng, để xuất hiện dạng chùa tiền Phật hậu Thánh thì một trong những tác nhân thường được nhắc đến là đặc điểm tư tưởng và cách ứng xử của người Việt với các thần linh. Người Việt vốn trọng quí thần, họ quen thờ phụng theo kiểu dung hội các thần. Với người Việt, các đẳng tối cao của mọi tôn giáo đều mang tư cách của vị thần đầy quyền uy, có thể đem phúc họa đến cho đời; vì thế, khi một tôn giáo nào đó du nhập vào đất Việt, thì tôn giáo ấy thường được dân gian hóa để thích

* Đại học Văn hóa Hà Nội



Chùa Keo Thái Bình - một kiến trúc tiền Phật hậu Thánh - Ảnh: Hồ sơ di tích - Tư liệu lưu trữ tại Cục Di sản văn hóa

hợp, Nhiều khi thần linh của tôn giáo này lại có mặt trong giáo đường của tôn giáo kia. Một trong số đó là các vị thần linh dân gian của người Việt được nhập vào trong giáo đường của Phật giáo, đó là việc người dân tôn vinh một số nhà sư đặc biệt thành Thánh và đặt thờ cùng trong khuôn viên với các vị Phật và Bồ Tát. Trường hợp này thường là các “nhà sư kiêm đạo sĩ”, nhất là các vị sư mang nhiều yếu tố Mật tông, vậy nên, họ vừa là sư lại vừa là thầy chữa bệnh và có cả tính chất “phù thủy” (có tài “bắt ấn trừ tà”, “hô phong hoá vũ”)...

Những ngôi chùa kiêm thờ Thánh này mang rất rõ tính chất “đền thờ”; thậm chí, đôi lúc người ta quên mất nó là chùa, nên kể tục sau các vị sư tổ/Thánh nhiều khi là những ông thống hoặc bà tự mang tư cách gần gũi với một thầy “phù thủy” chứ không phải các nhà tu hành thuần Phật giáo.

Đối với người dân, những vị Thánh đó có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của họ. Đến thế kỷ XVII, do có sự biến đổi của lịch sử và xã hội, được bảo trợ của tầng lớp trên và sự đóng góp của nhân dân, nhiều chùa đã được mở rộng, nơi thờ Thánh được tách riêng và trở thành một kiến trúc chính trong chùa, tạo nên dạng chùa “tiền Phật hậu Thánh” khang trang như ngày nay.

Qua một số ngôi chùa tiêu biểu có thể thấy, hầu hết các chùa tiền Phật hậu Thánh đều có bố cục mặt bằng tổng thể kiểu “nội Công ngoại Quốc”, với các đơn nguyên kiến trúc được sắp xếp theo một trật tự rõ ràng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, có thể phân loại bố cục mặt bằng của những ngôi chùa dạng này thành 2 kiểu:

Kiểu 1: Nghi môn - tam quan (kiềm gác chuông) - khu thờ Phật- khu thờ Thánh - hậu đường - hai dãy nhà dọc (hành lang). Đại diện cho dạng thức này có thể kể đến chùa Bối Khê, chùa Trăm Gian - Hà Nội, chùa Keo - Nam Định...

Kiểu 2: Nghi môn - tam quan (có thể có hoặc không có) - khu thờ Phật - khu thờ Thánh (hậu cung) - gác chuông - hậu đường - hai dãy nhà dọc (hành lang), tiêu biểu như chùa Keo - Thái Bình, chùa Đầm Giang - Ninh Bình, chùa Ông - Hưng Yên, chùa Thầy - Hà Nội...

Trong mặt bằng kiến trúc này, một số công trình vốn không xuất hiện ở các ngôi chùa thông thường khác, như nghi môn, điện Thánh - hậu cung và tả/hữu vu. Đây là những kiến trúc thể hiện rõ nét riêng biệt của chùa tiền Phật hậu Thánh nhưng cũng là thành phần kiến trúc của các di tích liên quan đến tín ngưỡng dân gian như: đình, đền, miếu... Ngoài ra, trước thế kỷ XIX, ở tất cả những

chùa tiền Phật hậu Thánh đều không có vườn tháp mang tư cách mộ sư. Mặc dù hiện nay một số chùa đã có tháp, song đều là những sản phẩm muộn, thậm chí rất muộn - vào khoảng thế kỷ XX.

+ Nghi môn

Một điểm chung ở các ngôi chùa này là nhiều khi có hai lớp cửa. Trong cách gọi tùy tiện trước đây thường coi đó là tam quan nội và tam quan ngoại. Vấn đề đặt ra là, nhiều khi lớp cửa ngoài không nằm trên trục chính của tổng thể kiến trúc (như chùa Trăm Gian...), liệu có thể coi chúng là tam quan được không?. Và, nếu có đến 2 lớp cửa như ở chùa Láng (Hà Nội) thì chùa đó liệu có thể có tới 2 tam quan?

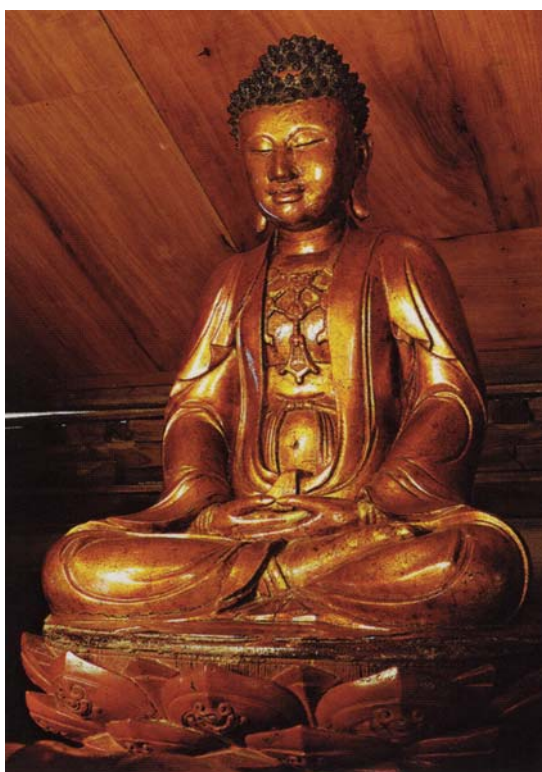
Theo chúng tôi, trong một ngôi chùa không thể có 2 tam quan, bởi ngoài chức năng thông thường là cổng/cửa để đi vào, nó còn mang ý nghĩa triết học Phật giáo sâu sắc. Theo Trần Trọng Kim, tam quan gồm Không quan, Giả quan và Trung quan, trong đó, quan nghĩa là lối nhìn, cách nhận thức bao hàm cấp phạm trù “không tức thị sắc, sắc tức thị không”; đó là: Không quan: cách nhìn muôn loài, muôn vật đều có chung một nguồn gốc - tức là nhìn về bản thể chân như - “không tức thị sắc”; Giả quan: chữ giả ở đây là giả tạm, nghĩa là mọi vật thuộc lĩnh vực “hình, danh, sắc, tướng” đều không thể tồn tại vĩnh viễn mà phải chịu quy luật vô thường. Mọi vật ta nhìn thấy luôn chịu tác động bởi quy luật nội tại và quy luật khách quan mà biến đổi đi, cho nên, sự hiện diện của thế giới hữu hình chỉ có tính chất tạm thời - “sắc tức thị không”; Trung quan: là cách nhìn trí tuệ, đi sâu vào yếu nghĩa cứu cánh của Đạo, hiểu sâu sắc về không và giả để bước vào chính pháp, dẫn tới giải thoát. Với những ý nghĩa ấy, rõ ràng, tam quan chỉ gắn với chùa, nó được coi như một “tuyên ngôn” của nhà Phật và mỗi chùa chỉ có một tam quan mà thôi. Vì thế, chùa Việt không thể có tam quan nội hay tam quan ngoại. Theo đó, những nếp chùa kiêm chức năng thờ Thánh có 2 lớp cửa sẽ bao gồm một nghi môn và một là tam quan. Một đặc điểm khác cũng cần lưu ý là, từ sau tam quan, mọi kiến trúc chính của chùa phải nằm đối xứng qua một “trục trung tâm”.

Như vậy, đối sánh với một số cửa vào của nhiều ngôi chùa dạng này có thể thấy, đó là nghi môn chứ không phải tam quan, vì đôi khi nghi môn chỉ đơn thuần là cửa nghi lễ, để đi vào di tích mà không mang ý nghĩa triết học sâu sắc như tam quan. Bởi

thế, đôi khi nghi môn không nhất thiết phải nằm trên “linh đạo” hay “nhất chính đạo” như tam quan. Như vậy, với các chùa tiền Phật hậu Thánh, cho dù không phải tất cả các chùa đều “trở thành” đền, như chùa Đỉnh Giang (người dân vùng Gia Viễn - Ninh Bình vẫn quen gọi chùa của làng mình là đền từ lâu), thì về cơ bản, việc thờ Thánh vẫn được coi là trọng tâm; bởi thế, nghi môn đều được đặt trước tam quan để thể hiện tính chất riêng - chùa kiêm đền thờ của các di tích này.

+ Điện Thánh

Do điều kiện cụ thể về diện tích mặt bằng hay một nguyên nhân nào đó, nơi thờ Thánh của những ngôi chùa này có thể là những đơn nguyên kiến trúc độc lập, nhiều khi có quy mô lớn hơn nơi thờ Phật, như chùa Keo (Thái Bình), chùa Keo (Nam Định), nhưng cũng có khi chỉ là một kiến trúc nằm ngay trong thượng điện của chùa, như ở chùa Trăm Gian (Hà Nội), chùa Ông (Hưng Yên), chùa Bi (Nam Định)... Tuy nhiên, đặc điểm chung cho tất cả những cung thờ Thánh là bao giờ cũng được bưng kín bằng ván gỗ, để tạo thành một không gian



Tượng Phật (thuộc bộ Tam thế trong kiến trúc tiền Phật hậu Thánh) - chùa Thầy, Hà Nội - Ảnh: Thế Việt

riêng biệt, nhằm tạo một cảm giác linh thiêng. Đối với những chùa có điện Thánh nằm độc lập thì các đơn nguyên kiến trúc có tên gọi không khác những ngôi đền, gồm tiền bái, ống muống và hậu cung. Vì là nơi thờ Thánh và rất ít ánh sáng do thường xuyên đóng cửa nên trong lòng những kiến trúc này đều chỉ được bào trơn đóng bén hoặc chạm trở nổi khối với các cấu kiện có kích thước lớn. Phía ngoài điện Thánh, thường có một phiến đá ở lối ra vào. Đối với người dân sở tại, đây là những phiến đá thiêng, có thể đem lại sức mạnh, sự may mắn cho những người dẫm chân lên nó; mặt nào cũng có thể đó là dấu vết còn lại của tục thờ đá của nhiều cư dân trên thế giới bắt nguồn từ thời nguyên thủy, trong đó có Việt Nam.

+ Tả vu, hữu vu

Ở các ngôi chùa dạng "nội công ngoại quốc" có quy mô lớn bao giờ cũng có 2 dãy nhà dọc, gọi là hành lang. Hành lang nối 2 gian ngoài cùng của toà tiền đường với 2 gian ngoài cùng của hậu đường, tạo thành một không gian liên hoàn, khép kín để bao bọc cụm kiến trúc chính. Nói một cách khác, hành lang của chùa không bao giờ nằm cao hơn/phía trên tiền đường. Nhưng đối với các ngôi đền hoặc đình làng, cũng vẫn là hai dãy nhà dọc này nhưng nó thường nằm phía trước đơn nguyên kiến trúc chính nên được gọi là tả vu, hữu vu. Thông thường, ở các chùa không có tả, hữu vu và ngược lại, các ngôi đình hay đền cũng không mấy khi có hành lang. "Quy định" này không hoàn toàn đúng với dạng chùa tiền Phật hậu Thánh, bởi ở một số chùa đang bàn lại có hiện tượng hành lang nằm sát ngay sau nghi môn hoặc tam quan, tức là vượt lên trước tiền đường (như ở chùa Điểm Giang - Ninh Bình, chùa Keo - Nam Định), vì thế chúng được gọi là tả vu, hữu vu kiêm hành lang. Sở dĩ có hiện tượng trên là do mối liên quan đến tín ngưỡng thờ Thánh. Kết quả, chúng ta có một dạng kiến trúc tạm gọi là "tứ thủy quy đường".

+ Về kết cấu kiến trúc

Các thức kiến trúc được sử dụng trong chùa tiền Phật hậu Thánh cũng tương tự với các dạng chùa khác, song ở một số ngôi chùa như chùa Điểm Giang (Ninh Bình) hay chùa Keo (Nam Định) xuất hiện sàn gỗ (dù không phải hệ thống sàn sạp gỗ như các ngôi đình làng) để đặt đồ thờ. Đây là một hình thức rất riêng của những ngôi chùa này với hiệu quả mà nó mang lại là tăng thêm không khí

uy nghi, linh thiêng cho bản thân di tích và các vị Thánh được thờ. Ngoài ra, hệ thống cột gỗ của hầu hết những ngôi chùa này thường sơn màu đỏ sẫm và vẽ rồng, là hình thức trang trí quen thuộc của hầu hết các ngôi đền.

+ Trang trí trên kiến trúc

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: trong khi điêu khắc đình làng ở thế kỷ XVI - XVII thường náo nức với những đề tài phản ánh hoạt cảnh dân gian mang tính hiện thực, phong phú, đa dạng và sinh động thì điêu khắc trang trí ở chùa thường mang tính linh thiêng, tôn nghiêm. Nhưng nhận định này dường như không đúng với chùa tiền Phật hậu Thánh. Ở một số ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh (như chùa Trăm Gian, chùa Điểm Giang...), ngoài những đề tài thường gặp trong các ngôi chùa khác, nhất là đề tài hoa sen - một mô típ dường như "của riêng" Phật giáo. Hoa sen có mặt ở khắp nơi trong chùa nói chung và chùa tiền Phật hậu Thánh nói riêng, như: đài sen đặt tượng Phật, tảng đá kê chân cột chạm cánh sen, các đầu chạm cánh sen, đến các mảng chạm khắc đề tài sen... Nhưng bên cạnh đó, trong dạng chùa đặc biệt này còn có những mảng chạm mang tính dân gian, thể hiện tâm tư, ước vọng của người nông dân, những đề tài mang đậm dấu ấn của tín ngưỡng "phồn thực" - một tín ngưỡng dân gian khá phổ biến trong văn hóa của người Việt. Ví dụ: ở chùa Điểm Giang có một vài mảng chạm như: trên tấm ván bưng hồi toà thượng điện đã chạm cảnh đôi trai gái đang trong tư thế ôm lưng nhau ngồi trên lưng voi và nhiều động tác mạnh bạo hơn, hay nhiều nghi môn trước cung thờ Thánh Nguyễn đều có đôi rồng đang quấn chặt vào nhau trong tư thế giao phối, như những "gợi ý", mong muốn về sự sinh sôi, phát triển của muôn loài. Những đề tài này rất hiếm gặp ở các dạng thức chùa khác.

Không chỉ thể hiện ở tên gọi hay vị trí một số đơn nguyên kiến trúc, hệ thống di vật trong những ngôi chùa này cũng thể hiện rõ tính chất đền thờ. Ngoài hệ thống tượng Phật và các di vật quen thuộc của chùa, như chuông đồng, bia đá..., các đồ vật gắn với Thánh/Thần thường gặp trong các ngôi đình, đền, miếu như kiệu thờ, khám thờ, bát bửu, lễ bộ, long ngai, voi thờ, ngựa thờ... đều có mặt trong các ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh, trong đó, đặc biệt nhất phải kể đến hệ thống sắc phong. Sắc phong truyền tải lại cho hậu thế các tư liệu quý giá,

trung thực về tên, tuổi và công lao của một số nhân vật lịch sử như quẻ quán, công trạng và thứ bậc được phong của các vị thần (thượng đẳng; trung đẳng; hạ đẳng), biểu thị sự tôn vinh của vương triều và cộng đồng cư dân với vị thần đó. Sắc phong còn lưu giữ một số thông tin có thể bổ sung cho một sự kiện lịch sử nào đó và là một nguồn tư liệu quan trọng để góp phần nghiên cứu tín ngưỡng của người xưa. Đây là một loại cổ vật rất giá trị do có tính độc bản: nó không chỉ giúp ta khẳng định sự có mặt của di tích ở một thời điểm nhất định một cách chính xác, mà còn là di vật chứng minh vai trò, "uy tín" của các vị Thánh đối với nhà nước quân chủ chuyên chế và với mỗi thành viên trong một cộng đồng dân cư. Ngoài ra, sắc phong còn biểu hiện của sự "thỏa hiệp" giữa Nhà nước với các vị Thánh - ông vua tinh thần ở mỗi địa phương, để thông qua họ, triều đình có thể với tay tới các làng xã. Quan trọng hơn, qua hệ thống sắc phong, có thể thấy đặc điểm riêng trong tư tưởng của người Việt được thể hiện rất rõ qua thái độ ứng xử của các triều đại với tôn giáo, tín ngưỡng: chấp nhận sự có mặt của nhiều tín ngưỡng, tôn giáo trong cùng một không gian thờ tự, không thật sự coi trọng một tín ngưỡng, tôn giáo nào (không có hiện tượng độc tôn tôn giáo). Nhưng cũng chính vì thế mà các tín ngưỡng của người Việt vẫn có cơ hội tồn tại và phát triển bên cạnh các tôn giáo mới du nhập từ bên ngoài vào.

Với hệ thống sắc phong xuất hiện phổ biến trong các ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh, như chùa Keo - Thái Bình hiện còn 7 đạo sắc; chùa Keo - Nam Định còn 5 đạo sắc; chùa Đỉnh Giang - Ninh Bình còn 52 đạo sắc; chùa La Phù - huyện Hoài Đức còn 4 đạo sắc; chùa Bối Khê còn 5 đạo sắc... và đối tượng được phong chính là các vị Thánh được thờ trong những ngôi chùa này đã cho thấy, trong tâm thức của người dân, thậm chí cả quan lại triều đình, họ không chỉ là các thiền sư, mà còn là các vị thần/thánh tương tự như các vị thần trong tín

ngưỡng của người Việt; thậm chí, tư cách này còn được coi trọng hơn tư cách là đệ tử của Phật.

Qua bố cục, tên gọi các kiến trúc và những di vật của chùa "tiền Phật hậu Thánh" có thể thấy, tính chất đền thờ trong dạng chùa này có phần nổi trội hơn so với tính chất là một ngôi chùa đơn thuần. Không chỉ có thế, trong tâm thức và cách ứng xử của người dân địa phương - nơi những ngôi chùa này tọa lạc - đối với Phật và Thánh, càng thấy tính chất đó thể hiện rõ ràng hơn. Hy vọng, trong một dịp khác, chúng tôi được quay lại vấn đề này. Nhưng rõ ràng, một số vấn đề trình bày trên đã góp phần khẳng định, chùa "tiền Phật hậu Thánh" là một di sản văn hóa độc đáo, đậm nét văn hóa Việt và cần được bảo tồn và phát huy giá trị./.

D.T.T.H

Tài liệu tham khảo

- 1- Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb. VHTT, Hà Nội.
 - 2- Phạm Thị Thu Hương (2007), "Chùa "tiền Phật hậu Thánh" ở châu thổ Bắc Bộ", *Luận án Tiến sĩ Văn hóa học*.
 - 3- Vũ Ngọc Khánh (2001), *Đạo Thánh ở Việt Nam*, Nxb. VHDT, Hà Nội.
 - 4- Nguyễn Lang (1990), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, 2 tập, Nxb. Văn học, Hà Nội.
 - 5- Trần Lâm - Hồng Kiên (2005), "Về một vài yếu tố mang tính triết học của kiến trúc cổ truyền Việt", *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Cục Di sản văn hóa xuất bản, Hà Nội. Tr. 161-170.
 - 6- Vũ Tự Lập (chủ biên, 1991), *Văn hóa và cư dân vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
 - 7- Nguyễn Lệ Thi (2002), *Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Phật giáo ở Chiangmai và Bangkok qua một số ngôi chùa tiêu biểu*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
 - 8- Chu Quang Trứ (2001) "Chùa "tiền Phật hậu Thánh" - một biểu hiện của kiến trúc Phật giáo Việt Nam", *Sáng giá chùa xưa - Mỹ thuật Phật giáo*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
- (Ngày nhận bài: 09/10/2013; Ngày phản biện đánh giá: 23/10/2013; Ngày duyệt đăng bài: 28/11/2013).

Phạm Thị Thu Hương: Pagoda of "Buddha in front, Gods at back" - A Special Model of Pagoda/Temple of Viet People

Using festival with folk belief is the unavoidable way of Vietnamese Buddhism. It led to the architecture of Buddha, It led to the architecture of Gods in front and Buddha at back or vice versa. There are only some pagodas which the founders were Vajrayana Buddhists, led to Buddha in front and Gods at back. Influence of these pagodas is still popular in these regions.